

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỊNH QUÁN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 31 - 3 - 2021.  
V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Văn Lợi**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Điểu Hoàng**.
2. Bà **Nguyễn Thị Quy**.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Trần Thùy Trang** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán tham gia phiên tòa:***  
Ông **Vũ Văn Hội** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 465/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H** – sinh năm: 1986.

Địa chỉ: Số nhà 191, tổ 14, ấp HB, xã TT, huyện ĐQ, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh **Phan Văn D** – sinh năm: 1982.

Địa chỉ: Tổ 14, ấp HB, xã TT, huyện ĐQ, Đồng Nai.

*(chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt không có lý do)*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:***

Chị và anh **Phan Văn D** tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004 và được Ủy ban nhân dân xã TT cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/11/2004. Vợ chồng sống chung hạnh phúc đến giữa năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ, con. Sau khi nhậu nhẹt, anh D thường xuyên quậy phá, chửi rủa, đe dọa chị. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng nhau. Từ tháng 9/2020, chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ sống và vợ chồng sống ly thân

nhau cho đến nay. Nay tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Phan Văn D.

Về con chung: Chị và anh D có 02 con chung là:

- Phan Thị Hồng Tr – sinh ngày: 03/5/2005.

- Phan Văn K – sinh ngày: 12/10/2008.

Từ khi chị và anh D ly thân nhau đến nay, 02 con chung do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Khi ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị và anh D tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đối với anh Phan Văn D: Mặc dù khi thụ lý và tiến hành các hoạt động tố tụng, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và Giấy triệu tập anh D đến Tòa án làm việc nhưng anh D không đến Tòa án để thể hiện nguyện vọng của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị H đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị H và anh D (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị H và anh D (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh của con chung (bản sao). Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/12/2020 đối với chị Nguyễn Thị H; Bản khai ngày 08/01/2021 của 02 cháu Phan Thị Hồng Tr và Phan Văn K; Biên bản xác minh ngày 18/01/2021.

Các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

*Ý kiến của Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Do nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định pháp luật.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Xét vợ chồng chị H và anh D đã xảy ra mâu thuẫn, không hòa giải đoàn tụ được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn với anh Phan Văn D.

+ Về con chung: Đề nghị giao 02 con chung là Phan Thị Hồng Tr – sinh ngày: 03/5/2005 và Phan Văn K – sinh ngày: 12/10/2008 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh D nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về nợ chung: Chị H kê khai không có, không yêu cầu giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh D nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy đề nghị tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

+ Về án phí: Đề nghị buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết việc nuôi dưỡng con chung đối với bị đơn anh Phan Văn D. Anh D đang cư trú tại huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ tranh chấp trong vụ kiện này là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn D là các đương sự trong vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia phiên tòa nhưng chị H có đơn xin xét xử vắng mặt, anh D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vắng mặt chị H và anh D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh D tự nguyện sống chung với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TT vào ngày 26/11/2004. Như vậy hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định tại Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay chị H yêu cầu ly hôn với anh D thì Tòa án áp dụng các Điều 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 để giải quyết.

Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Chị H yêu cầu ly hôn do anh D thường xuyên nhậu nhẹt, không chăm lo cho vợ, con. Sau khi nhậu nhẹt, anh D thường xuyên quậy phá, chửi rủa, đe dọa chị. Do đó trong cuộc sống chung vợ chồng thường xuyên cãi vã, căng thẳng nhau.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã nhiều lần tiến hành triệu tập anh D đến Tòa án để hòa giải nhưng anh D không đến để làm việc. Điều này thể hiện ý chí của anh D không muốn hàn gắn, đoàn tụ. Đồng thời qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không hạnh phúc và đã sống ly thân nhau (bút lục 32 – 33).

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã phát sinh kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị chị H có điều kiện ổn định cuộc sống của mình nên

chấp nhận yêu cầu khởi kiện chị H là cho chị được ly hôn với anh D là đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là:

- Phan Thị Hồng Tr – sinh ngày: 03/5/2005.

- Phan Văn K – sinh ngày: 12/10/2008.

Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung. Xét thấy, bản thân chị H có đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Hơn nữa, từ khi chị H và anh D sống ly thân đến nay, các con chung sống cùng chị H. Bản thân 02 con chung có nguyện vọng sống cùng chị H. Vì vậy để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung nên tiếp tục giao 02 con chung cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời anh D không phải cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[4]. Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh D nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[5]. Về nợ chung: Chị H kê khai không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay vắng mặt anh D nên chưa điều tra, làm rõ được, vì vậy sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

[6]. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì chị Nguyễn Thị H chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

[7]. Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, do đó được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 11, 85, 89, 91 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

***Tuyên xử:***

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.  
Cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Văn D.

2. Về con chung: Chị H và anh D có 02 con chung là:  
- Phan Thị Hồng Tr – sinh ngày: 03/5/2005.  
- Phan Văn K – sinh ngày: 12/10/2008.

Giao 02 con chung cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời anh Phan Văn D không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được gây trở ngại. Vì lợi ích của con chung các bên đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Khi nào có tranh chấp về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi phát sinh tranh chấp.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị H đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0005476 ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh D có quyền có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Ủy ban nhân dân xã TT: Để ghi vào sổ hộ tịch (Giấy CNKH số 32, cấp ngày 26/11/2004);
- Các đương sự;
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Mai Văn Lợi**